

Một số đề xuất chính sách và giải pháp của ngành công nghiệp trong quá trình hội nhập WTO: Giải pháp đối với doanh nghiệp: Đổi mới doanh nghiệp Nhà nước (SOE reform)

1 Quan điểm đổi mới doanh nghiệp Nhà nước

Một trong các yếu tố then chốt để nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam là cơ cấu lại và tăng cường năng lực cạnh tranh của khu vực doanh nghiệp. Trong đó có vai trò quan trọng của khu vực doanh nghiệp Nhà nước (DNNN) vì khu vực này đang nắm giữ phần lớn tài sản quốc gia, nguồn lao động kỹ thuật, tài nguyên và giữ vai trò chủ đạo trong các thành phần kinh tế.

Chiến lược đổi mới các DNNN nói chung và các DNNN công nghiệp nói riêng là nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, năng lực tài chính của DNNN, tạo tiền đề để DNNN nắm vững vai trò chủ đạo thúc đẩy những ngành, lĩnh vực then chốt trong công nghiệp.

Đổi mới DNNN cần tập trung vào:

- Đổi mới cơ chế quản lý doanh nghiệp, tạo quyền tự chủ cho các DNNN, đảm bảo quyền của các pháp nhân DNNN, hoạt động theo pháp luật.

- Tổ chức sắp xếp lại DNNN, đẩy mạnh cổ phần hoá, tăng cường giám sát tài chính các DNNN.

- Xây dựng một số tổng công ty theo hướng tập đoàn kinh tế mạnh trong một số ngành công nghiệp

- Thực hiện các biện pháp đa dạng hoá, chuyển đổi sở hữu để nâng cao hiệu quả, giảm bớt số lượng và tỷ trọng DNNN kém hiệu quả.

2. Sắp xếp lại DNNN

- Đẩy mạnh sắp xếp DNNN:

Tư tưởng chỉ đạo của việc sắp xếp lại DNNN là nắm giữ các DNNN quan trọng và có hiệu quả, ưu tiên giải pháp cổ phần hoá, đẩy mạnh áp dụng các biện pháp chuyển đổi sở hữu như bán, khoán, cho thuê theo Nghị định 103/1999/NĐ-CP ngày 10/9/1999 của Chính phủ. Để sắp xếp có hiệu quả cần tiến hành điều chỉnh lại cách phân loại các DNNN hiện có theo phương hướng làm rõ các tiêu chí để phân loại để có giải pháp xử lý thích hợp đối với từng loại doanh nghiệp.

Để hạn chế việc thành lập tràn lan DNNN, cần kết hợp đầu tư với khâu thành lập doanh nghiệp. Đây là bước cải cách thủ tục hành chính trong việc thành lập DNNN nhằm thống nhất trách nhiệm của người quản lý đầu tư và người vận hành doanh nghiệp, đồng thời nhằm giảm bớt các thủ tục và hồ sơ trùng lặp không cần thiết khi thành lập doanh nghiệp.

- Tiếp tục củng cố nâng cao hiệu quả của các DNNN hiện đang nắm giữ vai trò quan trọng trong nền kinh tế và trong công nghiệp. Mở rộng dần cho các doanh nghiệp ngoài quốc doanh tham gia cùng góp vốn với các DNNN loại này.

- Hoàn thiện mô hình tổ chức các Tổng Công ty để các Tổng Công ty thực sự trở thành các tập đoàn kinh tế mạnh, là xương sống của nền kinh tế, có hiệu quả và có sức cạnh tranh cao.

- Mở rộng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của DNNN; xác định rõ quyền của chủ sở hữu; phân công, phân cấp thực hiện quyền của chủ sở hữu.

3 Những giải pháp chủ yếu về cơ chế quản lý

- Tạo điều kiện đảm bảo cho các doanh nghiệp có thể cạnh tranh một cách công bằng, bình đẳng. Tách mục tiêu phi thương mại ra khỏi các hoạt động kinh doanh; xoá bỏ các lợi thế so sánh và các phân biệt đối xử giữa DNNN và doanh nghiệp ngoài quốc doanh (vay vốn tín dụng, khoan nợ, xoá nợ, đất đai...) để đảm bảo sự bình đẳng giữa các thành phần kinh tế.

- Mở rộng tối đa quyền tự chủ, xác định rõ quyền và tài sản của pháp nhân doanh nghiệp, doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh theo pháp luật phân định rõ quyền của chủ sở hữu Nhà nước và quyền của pháp nhân doanh nghiệp.

- Chính sách tài chính đối với DNNN được điều chỉnh để thực hiện các giải pháp cơ cấu lại doanh nghiệp và chuyển đổi sở hữu DNNN. Nhà nước chỉ ưu tiên cấp vốn tối thiểu đối với những doanh nghiệp thuộc diện Nhà nước vẫn nắm giữ 100% vốn sở hữu và cấp tín dụng ưu đãi với những doanh nghiệp hoạt động công ích.

Chấm dứt bao cấp dưới mọi hình thức cho các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh. Thực hiện cơ chế trách nhiệm hữu hạn của Nhà nước đối với DNNN thông qua cơ chế công ty hoá DNNN.

Việc phân chia lợi nhuận sau khi đã nộp đủ các loại thuế, làm đủ nghĩa vụ với nhà nước, trích lập quỹ theo quy định của pháp luật, doanh nghiệp tự quyết định lợi nhuận còn lại để trả nợ vốn vay, tái đầu tư phát triển doanh nghiệp và các quỹ khác, lợi nhuận còn lại được chia cho người lao động theo công hiến của mỗi người vào kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Lợi nhuận chia cho người lao động có thể chuyển thành vốn cổ phần của người lao động trong doanh nghiệp, do tập thể người lao động quyết định.

Phần lợi nhuận tái đầu tư phát triển doanh nghiệp được bổ sung vào vốn chủ sở hữu nhà nước được tính tương ứng với tỷ lệ nguồn vốn đầu tư từ ngân sách trong tổng nguồn vốn đầu tư ở doanh nghiệp.

- Phân định rõ quyền của chủ sở hữu Nhà nước và quyền của pháp nhân doanh nghiệp. Nhà nước thực hiện nguyên tắc với tư cách là chủ sở hữu vốn đầu tư vào doanh nghiệp về mặt giá trị, không quản lý theo hiện vật (trừ những trang bị đặt biệt thuộc các dây chuyền sản xuất quan trọng), trong đó Nhà nước chỉ quản lý, kiểm tra việc sử dụng vốn và hiệu quả sử dụng vốn (giá trị), không quản lý từng tài sản của doanh nghiệp. Nhà nước không trực tiếp quản lý doanh nghiệp mà thông qua đại diện quả mình trong bộ máy quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và thụ hưởng quyền lợi của cổ đông.

- Xác định cơ chế quản lý phù hợp với loại hình hoạt động của doanh nghiệp (doanh nghiệp kinh doanh, doanh nghiệp tham gia hoạt động công ích):

+ Đối với những DNNN hoạt động kinh doanh: những doanh nghiệp kinh doanh thiết lập cơ chế quản lý doanh nghiệp theo mô hình Công ty 1 chủ sở hữu, nhằm tách quản lý hành chính nhà nước ra khỏi quản lý kinh doanh.

+ Nhà nước đầu tư hoặc cấp vốn cho DNNN, đảm bảo mức vốn ban đầu cho doanh nghiệp hoạt động, tiến hành chuyển giao vốn cho doanh nghiệp để tạo cho doanh nghiệp có tài sản độc lập với Nhà nước. Vốn và tài sản khi giao cho doanh nghiệp được coi là vốn đầu

tư hoặc vốn cổ phần của nhà nước đem đầu tư góp vốn vào DNNN. Nhà nước quản lý phần góp vốn này với tư cách là cổ đông của công ty nhà nước. Phần vốn được giao được coi là vốn thuộc sở hữu của pháp nhân DNNN, doanh nghiệp có quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt tài sản đó. Nhà nước không điều chuyển vốn và tài sản của pháp nhân doanh nghiệp. Doanh nghiệp được tự quyết định mức trích khấu hao cơ bản. Nhà nước chỉ quyết định tỷ lệ trích tối thiểu. Doanh nghiệp tự có quyền quyết định thuê, mua một phần hoặc toàn bộ DNNN khác, doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác, nhưng phải thông báo cho cơ quan tài chính và Bộ quản lý ngành. Doanh nghiệp được thành lập và tham gia thành lập các Công ty con, tự huy động vốn để kinh doanh dưới mọi hình thức như phát hành cổ phiếu, trái phiếu.

- Mở rộng quyền cho hội đồng quản trị (HĐQT):

Củng cố vai trò của HĐQT ở các tổng công ty và DNNN quy mô lớn. Bổ sung nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT và thực hiện trách nhiệm đại diện trực tiếp chủ sở hữu tại doanh nghiệp và trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước giao cho doanh nghiệp, trong đó chủ tịch HĐQT trực tiếp nhận vốn của Nhà nước. Xác định rõ quyền hạn, nhiệm vụ và trách nhiệm cá nhân của Chủ tịch và thành viên HĐQT trong chế độ trách nhiệm HĐQT, quy định quyền hoạch định các chủ chương, phương hướng kinh doanh của doanh nghiệp, tự quyết định và tự chịu trách nhiệm đối với các quyết định về các phương án bảo toàn và phát triển vốn của các doanh nghiệp thành viên. Quy định HĐQT có quyền lựa chọn, ký hợp đồng với Tổng Giám đốc doanh nghiệp với sự chấp thuận của cơ quan hành chính có thẩm quyền, chế độ hợp đồng và nội dung cơ bản của hợp đồng với Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc điều hành doanh nghiệp theo phân cấp của HĐQT.

Tăng động lực và đồng thời thiết lập chế độ trách nhiệm của doanh nghiệp, bộ máy quản lý và người lao động.

- Hoàn thiện phân cấp thực hiện quyền của đại diện chủ sở hữu của các cơ quan quản lý Nhà nước.

UBND tỉnh, Thành phố trực thuộc trung ương thực hiện quyền chủ sở hữu Nhà nước đối với các DNNN, bao gồm: quyết định thành lập DNNN, xây dựng các phương án tổ chức lại DNNN, phê duyệt định hướng phát triển dài hạn của DNNN không có HĐQT, kế hoạch hàng năm của DNNN hoạt động công ích, phê duyệt phương án sử dụng vốn và tài sản của doanh nghiệp, cùng với Bộ Tài chính kiểm tra, giám sát việc quản lý sử dụng vốn, hoạch toán phân phối thu nhập, công tác cán bộ (bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các cán bộ chủ chốt).

Bộ Tài chính cần ban hành các chế độ huy động, quản lý vốn, tài sản, hạch toán kinh doanh; tổ chức thực hiện thống nhất trong cả nước chế độ huy động, quản lý vốn và quản lý tài chính, hạch toán kinh doanh; tổ chức việc kinh doanh vốn nhà nước đầu tư ở các doanh nghiệp; giám sát việc quản lý và sử dụng vốn nhà nước ở các doanh nghiệp.

- Chuyển đổi cơ chế kiểm tra, giám sát hoạt động của doanh nghiệp từ cơ chế kiểm soát quá trình ra quyết định của doanh nghiệp sang kiểm tra, giám sát hướng vào việc đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu của doanh nghiệp thông qua các chỉ tiêu như tỷ lệ lợi tức trên doanh số, chi phí trên doanh số, các doanh số trên tổng vốn đầu tư, lợi tức trên số lượng lao động... riêng đối với các doanh nghiệp hoạt động công ích, chỉ tiêu sử dụng là mức độ đảm bảo số lượng, chất lượng sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho xã hội theo chính sách nhà nước, mức độ hạ thấp giá thành sản phẩm...

4. *Đẩy mạnh quá trình cổ phần hoá, đa dạng hoá sở hữu DNNN*

- Rà soát lại các tiêu chí phân loại DNNN cần duy trì 100% sở hữu nhà nước, những doanh nghiệp có cổ phần chi phối và những doanh nghiệp trong đó nhà nước sẽ bán phần lớn cổ phần hoặc toàn bộ cổ phần, giảm bớt ngành nghề, lĩnh vực nhà nước nắm cổ phần chi phối.

- Đối với những doanh nghiệp nhà nước cần nắm 100% sở hữu:

+ Từng bước tạo lập khuôn khổ pháp lý để tiến hành công ty hoá DNNN (chuyển DNNN 100% vốn Nhà nước sang hoạt động theo mô hình công ty và luật doanh nghiệp). Đối với các doanh nghiệp loại này:

□ Cần tiến hành tách quyền sở hữu các DNNN kinh doanh ra khỏi các cơ quan của Chính phủ; xác định cơ quan duy nhất thực hiện quyền sở hữu và kiểm soát đối với doanh nghiệp. Cơ quan này thay mặt nhà nước thực hiện quyền sở hữu đối với doanh nghiệp.

□ Chuyển giao những trách nhiệm tài trợ và thực hiện các chức năng xã hội của doanh nghiệp sang cho chính quyền địa phương thực hiện, thực hiện quỹ luận ngân sách nghiêm ngặt.

□ Nâng cấp hệ thống thông tin tài chính và công bố những báo cáo về kiểm toán, tài chính; nâng cáo năng lực quản lý và kế toán.

□ Đưa ra hệ thống đòn bẩy khuyến khích các nhà quản lý và công nhân nâng cao kết quả, các cán bộ quản lý phải có các hợp đồng quy định những điều khoản trả lương theo kết quả công nghiệp.

+ Xây dựng hệ thống chỉ tiêu giám sát có hiệu quả đối với các DNNN còn giữ 100% sở hữu Nhà nước, trong đó có các DNNN đã chuyển sang công ty hoá.

- Đối với DNNN thuộc diện cổ phần hoá:

+ Làm rõ những vấn đề còn tồn tại về cổ phần hoá như đánh giá lại tài sản, các thủ tục, phương thức cổ phần hoá.

+ Đổi mới chế độ chính sách đối với nhà đầu tư, người mua cổ phần.

+ Thiết lập quỹ hỗ trợ thất nghiệp cho những người bị mất việc làm do cổ phần hoá.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giải thích động viên các thành viên trong xã hội tham gia mua cổ phần.

- Đối với các DNNN quy mô chỉ thua lỗ kéo dài hoặc nhà nước không cần nắm giữ cổ phần:

+ Đẩy nhanh việc ban hành nghị định giao, bán khoán kinh doanh cho thuê DNNN để đẩy mạnh đa dạng hoá sở hữu, phương thức quản lý doanh nghiệp, giảm bớt doanh nghiệp quy mô nhỏ Nhà nước không giữ 100% vốn sở hữu.

+ Ưu tiên về chính sách đối với các trường hợp tiếp nhận nhiều lao động của các doanh nghiệp này.

+ Ban hành chính sách giải quyết nợ cho các doanh nghiệp chuyển sang áp dụng giao, bán, khoán kinh doanh và cho thuê.

Củng cố các tổng công ty và tập trung xây dựng một số tập đoàn kinh tế lớn.

Để củng cố các tổng công ty cần đổi mới cơ chế tạo vốn, cơ chế xuất nhập khẩu, cải cách chính sách tín dụng, phát triển thị trường vốn, nguyên tắc trình lập các quỹ, quản lý lao

động, mô hình HĐQT và tổng giám đốc, cơ chế đầu tư ra nước ngoài, cơ chế đầu tư vốn cho các đơn vị thành viên...

Mô hình tổng công ty cần được đổi mới, tập trung và tăng quyền hạn cho HĐQT, thực hiện thí điểm ký hợp đồng với giám đốc hoặc tổng giám đốc nhằm nâng cao trách nhiệm của HĐQT và tổng giám đốc, nâng cao hiệu quả hoạt động của mô hình tổng công ty, đồng thời hạn chế độc quyền của tổng công ty.

Chuyển hướng xây dựng tổng công ty theo mô hình công ty mẹ - công ty con lấy liên kết bằng vốn các đơn vị thành viên có tư cách pháp nhân độc lập.

Khác về sản xuất dịch vụ đầu vào, đầu ra liên quan tới sản phẩm chính của tổng công ty thông qua việc đầu tư, góp vốn vào hợp đồng kinh tế với các doanh nghiệp này.

Tổng công ty có quyền điều chỉnh đối với vốn và các nguồn lực khác do tổng công ty giao để thực hiện kế hoạch kinh doanh chung của tổng công ty. Tuy nhiên, việc điều hoà vốn giữa các đơn vị thành viên của tổng công ty cần thực hiện dưới hình thức điều chuyển của chủ đầu tư trên cơ sở hiệu quả sử dụng vốn chung của tổng công ty. Các doanh nghiệp thành viên chỉ trích nộp một phần thu nhập phát sinh từ sử dụng vốn và các nguồn lực khác do tổng công ty giao để hình thành các quỹ tập trung của tổng công ty theo quy định của điều lệ tổng công ty.

Giải thể một số tổng công ty được liên kết theo kiểu hành chính không phát huy được vai trò. Tiếp tục củng cố và tập trung vào một số tổng công ty có vai trò đặt biệt quan trọng để xây dựng thành những tập đoàn kinh doanh mạnh theo hướng tăng nhanh quy mô hoạt động, mở rộng quan hệ quốc tế, đa dạng hoá sản xuất - kinh doanh, tiến dần đến đa dạng hoá sở hữu trên cơ sở liên kết về tài chính.

Kết luận

Ngày 28-7-1995, Việt Nam đã gia nhập ASEAN và là thành viên thứ 7 của Hiệp hội các nước Đông Nam á. Việt Nam đã tham gia Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA) bằng việc công nhận Hiệp định ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) và cam kết giảm thuế trong vòng 10 năm xuống mức 0-5% và phải loại bỏ tất cả các hàng rào phi thuế quan khác từ 1/1/2006. Có thể nói tham gia vào AFTA/ CEPT, các doanh nghiệp công nghiệp Việt Nam đã được tập dượt để chuẩn bị gia nhập WTO.

Hiệp định thương mại song phương Việt nam-Hoa kỳ (BTA) chính thức có hiệu lực ngày 10/12/2001 là bước tiếp theo đối với ngành công nghiệp Việt nam trong tiến trình gia nhập WTO.

Việc chuẩn bị gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO), chúng ta cần nhấn mạnh một số vấn đề như sau:

Việt nam đang bước vào giai đoạn công nghiệp hoá, hiện đại hoá với mục tiêu năm 2020 nước ta cơ bản là nước công nghiệp hoá. Vì vậy, chúng ta phải chủ động và đẩy mạnh tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, nhanh chóng gia nhập WTO.

Nhận thức đúng cơ hội và thách thức để chuẩn bị những điều kiện vững chắc nhằm khai thác triệt để các cơ hội và giảm thiểu thách thức là con đường cần thiết phải vượt qua để tránh nguy cơ tụt hậu.

Nâng cao khả năng cạnh tranh của ngành công nghiệp để có thể cạnh tranh trên trường quốc tế đóng vai trò quan trọng trong quá trình gia nhập WTO.

Xây dựng lộ trình đúng đắn và có những bước đi hợp lý, vững chắc xác định và thực hiện

tốt các giải pháp ngắn hạn để tạo tiền đề cho các giải pháp dài hạn là chìa khoá thành công của quá trình gia nhập WTO./.